

**ĐÁNH GIÁ CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ HIỆU QUẢ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH
TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

NGUYỄN THỊ CẨM MAI*

TÓM TẮT

Giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho học sinh (HS) đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của HS. Bài viết trình bày kết quả đánh giá của cán bộ quản lý (CBQL) về hiệu quả biện pháp quản lý GDĐĐ tại các trường trung học phổ thông (THPT) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý GDĐĐ HS, như: tăng cường vai trò chủ đạo trong nhà trường, phối kết hợp thường xuyên với gia đình HS, thực hiện xã hội hóa công tác GDĐĐ HS một cách có hiệu quả...

Từ khóa: hiệu quả quản lý, biện pháp quản lý giáo dục đạo đức học sinh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

ABSTRACT

Educational managers' evaluation of the effect of ethical education management at some high schools in Ba Ria – Vung Tau province

Educating ethics for high school students plays a very important role in forming and developing students' personality. This article presents the results of educational managers' evaluation of ethical education management at some high schools in Ba Ria – Vung Tau province. in light of the results, some suggestions are made to enhance the efficiency of ethical education management such as strengthening the decisive role of educational managers in high schools, enhancing collaborations between school and family, and socializing ethical education efficiently.

Keywords: educating ethics for students, management effect, suggestions for ethical education management, Ba Ria – Vung Tau province.

1. Đặt vấn đề

Trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay, vấn đề giáo dục toàn diện cho con người càng trở nên cấp thiết. Những yêu cầu để hội nhập nền kinh tế tri thức của nhân loại đã đưa giáo dục lên tầm cao mới, nhiệm vụ mới; đó là phải đáp ứng nguồn nhân lực so với nhu cầu thực tế, đào tạo ra sản phẩm là những con người “vừa hồng, vừa

chuyên”, năng động, sáng tạo, có trình độ tri thức và năng lực thực tiễn cao, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và cộng đồng dân cư trong việc

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước; có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa; có tinh thần quốc tế chân chính.” [3, tr.76-77].

Luật Giáo dục 2005 đã xác định mục tiêu của giáo dục Việt Nam: “Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp cho HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho HS học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [1].

Ở mỗi cơ sở giáo dục, việc tìm ra các biện pháp GDĐĐ cũng như các biện pháp quản lý công tác GDĐĐ cho HS là những yêu cầu cấp bách. Tuy nhiên, cũng cần phải đánh giá hiệu quả của các biện pháp quản lý cho công tác này để đề xuất một số biện pháp nhằm cải thiện chất lượng công tác quản lý GDĐĐ. Trên cơ sở đó, việc tìm hiểu đánh giá của CBQL về hiệu quả biện pháp quản lý GDĐĐ tại các trường THPT ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là cần thiết.

2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

• Dụng cụ nghiên cứu

Phiếu khảo sát: Dành cho CBQL các trường tham gia khảo sát.

Thang khảo sát: Để soạn thảo thang khảo sát, chúng tôi gửi các câu hỏi mở đến CBQL ở một số trường THPT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm thu thập ý kiến

về vấn đề nghiên cứu, sau đó soạn thang khảo sát và gửi phiếu khảo sát đến các CBQL.

• Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết: nhằm xác lập cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu;

- Phương pháp điều tra viết bằng phiếu thăm dò;

- Phương pháp thống kê toán học: dùng phần mềm SPSS để xử lí và phân tích các số liệu.

• Mẫu chọn

Tổng cộng: 35 CBQL thuộc 10 trường THPT: Trần Nguyên Hãn, Trần Hưng Đạo, Bà Rịa, Nguyễn Bình Khiêm, Trần Văn Quan, Trần Quang Khải, Võ Thị Sáu, Dương Bạch Mai, Nguyễn Huệ, Phước Bửu.

+ Giới tính: Nam: 23, nữ: 11, không trả lời: 1;

+ Trình độ đào tạo: Đại học: 6, cao học: 28, không trả lời: 1;

+ Hiện là: Hiệu trưởng: 5, phó hiệu trưởng: 19, cán bộ Đoàn: 5, không trả lời: 6;

+ Thâm niên công tác: Dưới 5 năm: 5, từ 6 đến 10 năm: 9, từ 11 đến 15 năm: 6, từ 16 đến 20 năm: 2, trên 20 năm: 10, không trả lời: 3.

3. Kết quả nghiên cứu

Một số từ viết tắt trong các bảng:

- ĐLTC: Độ lệch tiêu chuẩn;

- TB: Trung bình cộng;

- N: Số khách thể tham gia nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu được thống kê như sau:

Bảng thống kê đánh giá của CBQL về hiệu quả thực hiện các biện pháp quản lý GDĐĐ đã thực hiện ở trường (thang 5 bậc từ 1 đến 5, trung bình mỗi câu là 3)

Xây dựng kế hoạch	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Nắm chắc kế hoạch của cấp trên và các cấp có liên quan về mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đặc điểm, tình hình các nguồn lực	4,62	0,91	1
Căn cứ vào đặc điểm của nhà trường, phối hợp với GVCN, Đoàn TNCS HCM định hướng nhiệm vụ, nội dung, biện pháp rõ ràng và bước đi cụ thể	4,51	1,01	2
Lập kế hoạch GDĐĐ cụ thể hàng tuần, tháng, năm	4,40	1,03	3
Tổ chức thực hiện	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Phân công việc cho các bộ phận chức năng để thực hiện hoạt động GDĐĐ HS trong nhà trường	3,71	1,56	5
Phân bổ hợp lý nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động GDĐĐ HS	3,85	0,94	4
Phối hợp và tạo điều kiện hoạt động cho Đoàn TNCS HCM	4,37	0,59	1
GDĐĐ HS thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	4,11	0,75	3
Hỗ trợ Đoàn TNCS HCM tổ chức các phong trào có kế hoạch, theo từng thời điểm, đáp ứng các mục tiêu giáo dục trong năm học	4,34	0,63	2
Chỉ đạo thực hiện	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên (GV) lồng ghép nội dung GDĐĐ cho HS qua các môn học	4,00	1,00	4
Chỉ đạo việc thực hiện GDĐĐ của GVCN	4,34	0,96	2
Xây dựng tốt môi trường sư phạm	4,51	0,95	1
Quy định tiêu chuẩn và nhiệm vụ cụ thể cho GVCN	4,14	1,24	3
Phối hợp GDĐĐ với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường	3,82	0,70	5
Kiểm tra đánh giá	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Đề ra tiêu chí cho GVCN giỏi và có khen thưởng hàng năm	4,17	1,09	1
Đổi mới việc kiểm tra, họp đánh giá công tác chủ nhiệm hàng tháng	4,31	1,02	2
Có biện pháp động viên và khen thưởng kịp thời	4,05	0,68	3

Từ kết quả thống kê ở bảng trên, có thể phân tích về hiệu quả thực hiện các biện pháp quản lý GDĐĐ đã thực hiện tại

các trường ở từng chức năng như sau:

(i) Xây dựng kế hoạch

Nắm chắc kế hoạch của cấp trên và

các cấp có liên quan về mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đặc điểm, tình hình các nguồn lực (thứ bậc 1); căn cứ vào đặc điểm của nhà trường, phối hợp với GVCN, Đoàn TNCS HCM định hướng nhiệm vụ, nội dung, biện pháp rõ ràng và bước đi cụ thể (thứ bậc 2); lập kế hoạch GDĐĐ cụ thể hàng tuần, tháng, năm (thứ bậc 3).

Kết quả trên cho thấy việc xây dựng kế hoạch GDĐĐ đã bước đầu được thực hiện tại các trường, CBQL nhà trường đều nắm chắc kế hoạch của cấp trên, các ban ngành có liên quan về nhiệm vụ giáo dục, đặc biệt là các văn bản chỉ đạo về công tác GDĐĐ HS. Tuy vậy, một số CBQL chưa định hướng rõ ràng nhiệm vụ GDĐĐ HS cũng như chưa đề ra nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận trong trường, đặc biệt là hoạt động của ĐTNCS HCM. Bên cạnh đó, một số CBQL chưa xem trọng việc lập kế hoạch GDĐĐ cụ thể hàng tuần tháng, năm.

(ii) Tổ chức thực hiện

Phối hợp và tạo điều kiện hoạt động cho Đoàn TNCS HCM (thứ bậc 1); hỗ trợ Đoàn TNCS HCM tổ chức các phong trào có kế hoạch, theo từng thời điểm, đáp ứng các mục tiêu giáo dục trong năm học (thứ bậc 2); GDĐĐ HS thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (thứ bậc 3); phân bổ hợp lý nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động GDĐĐ HS (thứ bậc 4); phân công việc cho các bộ phận chức năng để thực hiện hoạt động GDĐĐ HS trong nhà trường (thứ bậc 5).

Kết quả trên cho thấy việc phối hợp và tạo điều kiện hoạt động cho Đoàn

TNCS HCM cũng như hỗ trợ Đoàn TNCS HCM tổ chức các phong trào có kế hoạch, theo từng thời điểm được đa số CBQL quan tâm. Tiếp theo là nội dung GDĐĐ HS thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, chỉ số này cho thấy đây cũng là nội dung được các CBQL quan tâm, vì GDĐĐ cho HS có thể bằng nhiều con đường và các hoạt động ngoài giờ lên lớp là một trong những sân chơi rất bổ ích, giúp HS rèn luyện tính năng động, sáng tạo cũng như thể hiện mình. Xếp thứ bậc 4 là nội dung phân bổ hợp lý nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động GDĐĐ HS, để thực hiện hầu hết các hoạt động thì nguồn kinh phí là rất quan trọng và đa số CBQL cũng chú ý đến vấn đề này.

Nội dung phân công việc cho các bộ phận chức năng để thực hiện hoạt động GDĐĐ HS trong nhà trường được xếp thứ bậc 5 cho thấy các CBQL chưa có sự phân công công việc cụ thể rõ ràng, vẫn còn tình trạng giẫm lên chân nhau. Khi cần có việc phải giải quyết cho HS thì bộ phận phụ trách thường vắng mặt, do chưa được phân công lịch trực cụ thể, rõ ràng; mặt khác, trong xử lý cũng xảy ra hiện tượng chông chéo, chưa thống nhất.

(iii) Chỉ đạo thực hiện

Xây dựng tốt môi trường sư phạm (thứ bậc 1); chỉ đạo việc thực hiện GDĐĐ của GVCN (thứ bậc 2); quy định tiêu chuẩn và nhiệm vụ cụ thể cho GVCN (thứ bậc 3); chỉ đạo tổ chuyên môn và GV lồng ghép nội dung GDĐĐ cho HS qua các môn học (thứ bậc 4); phối hợp GDĐĐ với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường (thứ bậc 5).

Hầu hết CBQL đều cho rằng để công tác GDĐĐ cho HS đạt được kết quả tốt nhất thì điều tiên quyết là cần xây dựng tốt môi trường sư phạm. Việc phối hợp GDĐĐ với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường được thực hiện sau cùng. Điều này đã phản ánh đúng thực trạng việc phối hợp với các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường được thực hiện không thường xuyên, thậm chí là đến lúc có việc thì mới liên hệ; do vậy, việc này chưa mang lại hiệu quả thật sự.

(iv) Kiểm tra đánh giá

Đề ra tiêu chí cho GV chủ nhiệm (GVCN) giỏi và có khen thưởng hàng năm (thứ bậc 1); đổi mới việc kiểm tra, họp đánh giá công tác chủ nhiệm hàng tháng (thứ bậc 2); có biện pháp động viên và khen thưởng kịp thời (thứ bậc 3).

Các CBQL cho rằng cần đề ra tiêu chí cho GVCN giỏi và khen thưởng hàng năm để khuyến khích công tác này. Vì công tác chủ nhiệm là công tác kiêm nhiệm và chiếm khá nhiều thời gian, giờ trôi được tính không cao (4 tiết/tuần) nên cũng có không ít GV chưa thật sự tha thiết với công tác này. Bên cạnh đó, CBQL cũng cho rằng cần đổi mới việc kiểm tra, họp đánh giá công tác chủ nhiệm hàng tháng. Công tác kiểm tra giúp cho CBQL nắm thông tin về các hoạt động của trường, từ đó có cách xử lý thông tin và điều chỉnh kế hoạch, biện pháp kịp thời. Kiểm tra phải gắn với nhận xét, đánh giá xếp loại mới có tác dụng động viên GV làm tốt, đồng thời nhắc nhở những người thực hiện chưa tốt.

4. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học

sinh trung học phổ thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Để nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho HS THPT, theo chúng tôi, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

(i) Tăng cường vai trò chủ đạo của nhà trường trong GDĐĐ HS

• Rèn luyện kỹ năng sống cho HS

Tăng cường rèn luyện các kỹ năng sống cho HS thông qua các hoạt động. Giúp HS có những kỹ năng giao tiếp, ứng xử có văn hóa, thói quen và kỹ năng làm việc, sinh hoạt theo nhóm.

Tổ chức thực hiện:

- Thường xuyên tổ chức các câu lạc bộ môn học như Toán, Lí, Hóa, Văn, Sử, Tiếng Anh cho HS tham gia, tạo không khí thi đua học tập sôi nổi;

- Mời bác sĩ tư vấn về sức khỏe sinh sản vị thành niên, giới tính cho HS.

• Tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi, lành mạnh

- Tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh: Nhân các ngày lễ lớn trong năm, nhà trường kết hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức sinh hoạt dưới cờ về các tấm gương anh hùng liệt sĩ (ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22-12), các gương đoàn viên tiêu biểu (ngày 9-1, 26-3), mời Hội Cựu chiến binh nói chuyện truyền thống (ngày thống nhất đất nước 30-4)... nhằm hình thành nhân cách và ý chí học tập vì tương lai, vì đất nước cho HS.

- Thường xuyên giáo dục HS về tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, “lá lành đùm lá rách”...

Tổ chức hội thao HS cấp trường với

các môn: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, điền kinh, cờ vua, cờ tướng... để chào mừng ngày Nhà Giáo Việt Nam, đồng thời chọn những HS có thành tích xuất sắc để thành lập đội tuyển, chuẩn bị cho hội thao cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Phát động HS chọn môn thể thao yêu thích để rèn luyện, có hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá.

- Thực hiện tốt bản tin của Đoàn, bản tin của lớp.

- Phát động các chi đoàn sưu tầm các bài hát dân ca, trò chơi dân gian. Tổ chức biểu diễn các bài hát, các trò chơi dân gian trong lễ hội khai trường, các buổi sinh hoạt ngoại khóa.

- Chú trọng công tác hướng nghiệp cho HS.

• **Tổ chức cho HS tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương**

- Đoàn trường phối hợp cùng chi đoàn GV thường xuyên đưa HS đến viếng nghĩa trang liệt sĩ.

- CLB Sĩ tử tổ chức cho HS tham gia học tập ngoại khóa: thi viết về tiểu sử các anh hùng liệt sĩ, đặc biệt là các anh hùng liệt sĩ ở địa phương.

- Giáo dục truyền thống “uống nước nhớ nguồn” cho HS, đồng thời tạo sân chơi, giao lưu học tập kinh nghiệm với các trường bạn thông qua chương trình về nguồn tại các vùng đất cách mạng; qua đó, giúp HS ôn lại những truyền thống lịch sử dân tộc.

• **Tăng cường công tác giáo dục pháp luật trong trường học**

- Nhà trường và GV phải tìm các biện pháp đổi mới cách dạy bộ môn Giáo dục

công dân theo hướng HS chủ động, tích cực tiếp nhận kiến thức hơn là cách truyền thụ hiện nay.

- Tổ chức nhiều hơn “ngày pháp luật” bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

(ii) **Phối kết hợp tốt giữa nhà trường với gia đình học sinh**

Gia đình được xem là môi trường giáo dục đầu tiên của các em. Nhà trường và GV cần thường xuyên liên hệ với gia đình HS, có những tư vấn và thông báo kịp thời đối với những biểu hiện sai lệch, khác thường của HS, phối hợp tìm ra phương pháp giáo dục tốt nhất đối với từng HS. Vì đôi khi, các em không thể thổ lộ hết những vấn đề của mình với cha mẹ, anh chị em, nhưng lại có thể tâm sự với thầy cô giáo như những người tin cậy nhất. Bên cạnh đó, các bậc phụ huynh cũng cần sự tư vấn của nhà trường về phương pháp giáo dục, về đặc điểm tâm sinh lí của HS.

(iii) **Tăng cường xã hội hóa công tác giáo dục đạo đức cho học sinh**

Nhà trường cần huy động sự tham gia của cộng đồng, của các tổ chức đoàn thể xã hội trong công tác GDĐĐ cho HS. Cần có sự thống nhất trong các tác động giáo dục, tránh tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Xây dựng các mô hình phối kết hợp hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, đặc biệt chú trọng công tác an ninh trường học, tạo nên “cổng trường em thật sự an ninh, trật tự, an toàn”.

5. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy CBQL thực hiện đầy đủ các chức năng quản lí và đánh giá cao hiệu quả thực hiện các biện pháp quản lí GDĐĐ HS. Các nhà

quản lí cần xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho HS tách riêng ra khỏi kế hoạch năm học chung của nhà trường, phân định chức năng cho các bộ phận, sự phối hợp thực hiện giữa các phòng ban một cách rõ ràng, cụ thể. Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng hơn về công tác kiểm tra, hợp đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chủ nhiệm.

Tóm lại, việc GDĐĐ cho HS phổ thông ngày càng quan trọng, nhất là trong

bối cảnh xã hội hiện nay. Tuy nhiên, việc giáo dục nhân cách cho HS không thể thành công trong một sớm một chiều, mà là cả một quá trình lâu dài. Để công tác này thật sự mang lại kết quả như mong đợi, cần đảm bảo sự nhất trí cao về yêu cầu GDĐĐ giữa các thành viên trong nội bộ nhà trường và sự thống nhất phối hợp giáo dục HS giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Luật Giáo dục 2005 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2001)*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Điều lệ trường trung học phổ thông*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Minh Hạc (1996), *Một số vấn đề về giáo dục và khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục.
5. Phạm Minh Hạc (1997), *Xã hội hóa công tác giáo dục*, Nxb Giáo dục.
6. Hồ Văn Liên (2007), *Quản lí giáo dục và trường học (tài liệu dành cho học viên cao học)*, Trường ĐHSPTPHCM.
7. Hồ Chí Minh (1997), *Về vấn đề giáo dục*, Nxb Giáo dục.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Kỉ yếu Bà Rịa - Vũng Tàu, 20 năm phát triển và đổi mới*.
9. M.I. Kondakov (1984), *Cơ sở lí luận của khoa học quản lí giáo dục* (Hà Sĩ Hồ, Phạm Thị Diệu Vân dịch), Trường Cán bộ Quản lí Giáo dục 2.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-8-2012; ngày phản biện đánh giá: 06-9-2012;
ngày chấp nhận đăng: 08-10-2012)